TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 61/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23/5/2018
V/v "Tranh chấp dân sự, hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Thuận Lợi**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Thanh Hùng;**

2. Ông **Phan Phước Tân**;

Thư ký phiên toà: Bà **Huỳnh Minh Nhựt** – Thư ký Tòa án .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Trà Mi** - Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A; Tòa án nhân dân huyện A mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2017/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp dân sự, hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:141/2018/QĐST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Bé B** (Q), sinh năm: 1980; Cư trú: tổ14, ấp V, xã V, huyện A, An Giang.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1979;

Bà **Nguyễn Công Kiều U,** sinh năm 1983;

Cùng cư trú: tổ 22, ấp A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền cho bà Bé B (Q) là ông Thái Bửu H, sinh năm 1978; cư trú: ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang (văn bản ủy quyền ngày 10/9/2017 được UBND xã V chứng thực).

Đại diện theo ủy quyền cho bà **Nguyễn Công Kiều U** là ông Lê Hùng T, sinh năm 1981; cư trú: ấp A, Thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang (theo Giấy ủy quyền ngày 22/5/2018 được UBND Thị trấn A chứng thực).

(Bà Bé B, ông T có mặt; ông H, ông C, bà U cùng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng với các tài liệu và chứng cứ kèm theo, nguyên đơn bà Trần Thị Bé B (Q) trình bày: Ông C - bà U là người cùng xóm nên quen biết nhau rất thân thiết. Theo đó, U hỏi vay tôi 03 lần gồm tiền và vàng cụ thể như sau:

1. Vào ngày 12/02/2013 U vay tôi 100 triệu đồng, mục đích là làm vốn kinh doanh, thỏa thuận lãi suất 8%/tháng; khi vay hai bên có làm biên nhận nợ; sau khi vay U - C chỉ trả lãi được 01 tháng rồi ngưng luôn cho đến nay.

2. Vào ngày 20/4/2013 U tiếp tục hỏi vay 01 lượng vàng 24kara, hai bên có làm biên nhận nợ, thỏa thuận lãi suất là mỗi tháng 2.500.000 đồng, nhưng chỉ đóng lãi được 01 tháng thì ngưng.

3.Vào ngày 04/5/2013 U vay thêm 01 lượng vàng 24 kara, hai bên làm biên nhận nợ với nhau, và thỏa thuận lãi như lần trước, phần này, sau khi vay U cũng không trả vốn, lãi.

Về tiền hụi: Vào ngày 25/5/2013 có tham gia dây hụi cho U làm chủ, hụi 5.000.000 đồng; gồm 12 phần, hụi khui ngày 25 hàng tháng, mỗi tháng khui 01 lần. Bé B tham gia 03 phần, dây hụi này chưa hốt, còn lại 03 phần hốt chót là 03 phần hụi của Bé B tham gia thì bà U bể nợ trốn đi. Dây hụi này bà U còn số tiền là 135.000.000 đồng.

Tổng cộng vợ chồng U- C nợ tôi số tiền là 235 triệu đồng và vàng là 02 lượng vàng 24kara.

Nay, bà Bé B yêu cầu ông C cùng bà U phải trả số tiền là 235.000.000đ và số vàng vay 02 lượng vàng 24kara cùng với lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bà Bé B (Q) rút lại một phần yêu cầu là chỉ yêu cầu bà U trả 02 lượng 24kara mà bà U đã thừa nhận cùng với lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật; không yêu cầu ông C trả nợ.

Bà U đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, riêng ông C có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông bà theo quy định.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng…là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần HĐXX không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kểm sát về nội dung: việc bà U thừa nhận có nợ bà B 02 lượng vàng và tại phiên tòa bà B cũng chỉ yêu cầu bà U trả lại khoản nợ này, do đó yêu cầu của bà B là phù hợp, cần chấp nhận phần yêu cầu này của bà B; đồng thời đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện còn lại của bà B do tại phiên tòa bà B rút lại yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành lấy lời khai bị đơn và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành hòa giải đúng thủ tục tố tụng theo Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Trong vụ án này nguyên đơn là bà B (Q), bị đơn là bà U và ông C.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của bà Bé B là buộc ông C - B U phải trả 02 lượng vàng 24 kara đã vay mượn nhưng chưa trả. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp được Toà án xem xét giải quyết là: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về thời hiệu: Đây là quan hệ vay tài sản được các bên thừa nhận và không có yêu cầu áp dụng thời hiệu nên vẫn còn thời hiệu.

[4] Nhận định về nội dung: Bà Bé B khởi kiện đòi lại số vàng vay là 02 lượng vàng 24 kara và số tiền nợ hụi là 235 triệu đồng;

Tại biên bản ghi nhận lời khai và biên bản hòa giải cùng ngày 23/01/2018, bà U cũng đã thừa nhận là bà có vay vàng của bà Bé B số vàng là 02 lượng vàng 24 kara và có làm biên nhận nợ và có ký tên xác nhận với bà Bé B.

Tại biên bản ghi nhận lời khai của ông C ngày 20/12/2017, ông C cho rằng trong thời gian hai bên làm ăn qua lại với nhau giữa bà U và Bé B thì ông hoàn toàn không biết nội dung gì hết. Khi vào năm 2013 thì bà U làm ăn thua lỗ bị bể nợ bỏ đi, mọi người đều nộp đơn kiện đến Tòa án thì lúc đó thì ông mới biết được sự việc là bà U nợ nhiều người trong đó có Bé B; ông C trình bày số nợ là do bà U làm ra nên bà U tự một mình đứng ra trả nợ, ông không thừa nhận và không đồng ý chịu trách nhiệm chung.

[5] Tại phiên tòa, nguyên đơn rút lại yêu cầu đòi số tiền nợ hụi, chỉ yêu cầu bà U trả khoản nợ (02) hai lượng vàng 24kara, không yêu cầu tính lãi, đồng thời nguyên đơn cũng không yêu cầu ông C liên đới cùng bà U trả nợ là tự nguyện, xét chấp nhận.

Ông Lê Hùng T, đại diện theo ủy quyền của bị đơn chấp nhận việc nguyên đơn yêu cầu đòi bà U trả khoản nợ (02) hai lượng vàng 24kara, không yêu cầu tính lãi; cùng với việc không yêu cầu ông C có trách nhiệm trả nợ là phù hợp nên không có ý kiến.

[6] Từ những đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở phát biểu quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án, đủ cơ sở buộc bà Nguyễn Công Kiều U có trách nhiệm cho bà Trần Thị Bé B số vàng vay là 02 lượng vàng 24 kara (loại vàng thị trường).

[7] Về án phí: Do yêu cầu của bà Bé B (Q) được chấp nhận nên bà không phải chịu án phí, hoàn lại tiền tạm ứng án phí mà đã nộp.

Bà U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (án phí được tính trên số vàng phải trả được qui đổi thành tiền tại thời điểm xét xử được niêm yết Là 36.500.000đ/01 lượng x 02L = 73.000.000đ x 5% = 3.650.000đ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 280; Điều 288; Điều 463, 465, 466 Bộ luật dân sự 2015;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bé B (Q);

Buộc bà Nguyễn Công Kiều U có trách nhiệm trả trả cho bà Trần Thị Bé B (Q) **02** lượng vàng 24 kara (loại vàng thị trường).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bé B (Q) về việc yêu cầu bà Nguyễn Công Kiều U trả số tiền hụi 235.000.000 đồng.

Về án phí:

Bà Nguyễn Công Kiều U phải chịu 3.650.000 (Ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị Bé B (Q) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả số tiền 8.125.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số TU/2016/0002636 ngày 08/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời

hạn kháng cáo của của người vắng mặt là 15 ngày kể ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thuận Lợi

Nơi nhận:
- VKSND A (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS A (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).